

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Ông Dương Trung Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiên Thành – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị C, sinh năm 1992, trú tại: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990, trú tại: Thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Tô Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, thành phố Yi ngày 16 tháng 3 năm 2020. Sau

khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn D, xã C, huyện V đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị C bị bệnh nhưng anh T không quan tâm chăm sóc, kể từ tháng 9/2020 đến nay vợ chồng đã ly thân, chị C đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị C xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân của chị C, các bản sao sổ hộ khẩu của các bên đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng tại các buổi làm việc anh T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Xác minh tại nơi cư trú của các đương sự về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T được bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ anh T và trưởng thôn D cung cấp thông tin như sau: Giữa chị C và anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C có biểu hiện quan hệ với người đàn ông khác nên cố tình gây sự với anh T để tìm cơ xin ly hôn. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 9/2020.

Quá trình giải quyết vụ án chị C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án đã ra thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt và trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C đúng như chị C trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C theo anh T thì chị C trình bày không đúng hoàn toàn, mặc dù đôi lúc vợ chồng có xung đột nhưng anh T vẫn quan tâm đến chị C nhưng không hiểu lý do gì mà tháng 9/2020 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T đã nhiều lần liên lạc mong vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Mặc dù đã cố gắng gìn giữ hạnh phúc nhưng chị C không muốn quay về chung sống nên tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý ly hôn. Anh T trình bày thêm lý do khi tòa án triệu

tập anh không đến phiên tòa là do vừa qua anh đi làm tại Hà Nội vì dịch COVID 19 nên anh không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Bị đơn không có mặt khi được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn đã có mặt để trình bày ý kiến của mình. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Tô Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn T. Chị Tô Thị C phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chị Tô Thị C và anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bị đơn tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Đỗ Văn T, trú tại thôn D, xã C, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị C và anh Đỗ Văn T là vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của LHNGĐ, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với lý do không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn, cả hai đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Bị đơn xác nhận quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Theo quy định của LHNGĐ thì nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, anh T và chị C có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, nghĩa vụ vợ chồng không được thực hiện là đã vi phạm Điều 19 LHNGĐ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tô Thị C và anh Đỗ Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 LHNGĐ xử cho chị Tô Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của cả hai đương sự.

2.2 Về con chung: Không có.

2.3 Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tô Thị C được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Chị Tô Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0005983 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, chị C đã nộp đủ.

4. Anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Tô Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn ;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã G – TP Y;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Nguyễn Thắng

